

Mã đề thi 101

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Câu 1: Thiết bị nào sau đây là ứng dụng của dao động duy trì?

- A. Con lắc đồng hồ. B. Cửa đóng tự động.
C. Giảm xóc xe máy. D. Hộp đàn ghita dao động.

Câu 2: Một sóng cơ có tần số f , truyền trên một sợi dây đàn hồi với tốc độ v thì có bước sóng là

- A. $\lambda = f.v^2$. B. $\lambda = \frac{f}{v}$. C. $\lambda = \frac{v}{f}$. D. $\lambda = f.v$.

Câu 3: Trên một sợi dây có sóng dừng ổn định với bước sóng truyền trên dây là λ . Khoảng cách giữa hai điểm nút liền kề là

- A. $\frac{\lambda}{2}$. B. 2λ . C. λ . D. $\frac{\lambda}{4}$.

Câu 4: Trong sơ đồ khối của máy phát thanh vô tuyến đơn giản có bộ phận nào sau đây?

- A. Mạch tách sóng. B. Mạch biến điệu.
C. Anten thu. D. Loa.

Câu 5: Một con lắc lò xo dao động theo phương trình $x = 4 \cos(5\pi t + \frac{\pi}{3})$ cm. Biên độ dao động của vật là

- A. 4 cm. B. 5 cm. C. $\pi/3$ cm. D. 5 π cm.

Câu 6: Với c là vận tốc ánh sáng trong chân không, hệ thức Anhtanh giữa năng lượng nghỉ E và khối lượng m của vật là

- A. $E = 0,5mc^2$. B. $E = 2mc^2$. C. $E = mc^2$. D. $E = m^2c$.

Câu 7: Trong các ánh sáng đơn sắc: đỏ, tím, cam và lục, chiết suất của thủy tinh có giá trị lớn nhất đối với ánh sáng nào?

- A. Lục. B. Cam. C. Đỏ. D. Tím.

Câu 8: Đại lượng nào sau đây là đặc trưng sinh lí của âm?

- A. Độ to của âm. B. Mức cường độ âm.
C. Cường độ âm. D. Tần số của âm.

Câu 9: Đặt điện áp xoay chiều có tần số f vào hai đầu của một tụ điện có điện dung C thì dung kháng của tụ điện là

- A. $Z_C = \frac{1}{\pi fC}$. B. $Z_C = 2\pi fC$. C. $Z_C = \pi fC$. D. $Z_C = \frac{1}{2\pi fC}$.

Câu 10: Khi đặt điện áp $u = 220\sqrt{2} \cos(100\pi t)$ (V) (t tính bằng s) vào hai đầu đoạn mạch điện thì tần số của dòng điện chạy qua đoạn mạch này là

- A. 50 π Hz. B. 220 rad/s. C. 100 π rad/s. D. 50 Hz.

Câu 11: Trong cấu tạo của máy biến áp, máy giảm áp có tỉ số giữa số vòng dây cuộn thứ cấp và sơ cấp

- A. nhỏ hơn 1. B. bằng 1. C. lớn hơn 2. D. lớn hơn 1.

Câu 12: Trong hệ SI, đơn vị của điện dung là

- A. Fara (F). B. Culông (C). C. Vôn (V). D. Ôm (Ω).

Câu 13: Trong hiện tượng giao thoa ánh sáng đơn sắc, tại vị trí có vân sáng trên màn thì hai sóng ánh sáng truyền đến phải

- A. lệch pha $\frac{\pi}{2}$. B. lệch pha $\frac{2\pi}{3}$. C. ngược pha. D. cùng pha.

Câu 14: Hai dao động điều hòa cùng phương có phương trình lần lượt là $x_1 = A_1 \cos(\omega t + \frac{\pi}{2})$ và $x_2 = A_2 \cos(\omega t + \frac{\pi}{2})$ với A_1, A_2 và ω là các hằng số dương. Kết luận nào sau đây đúng?

- A.** Hai dao động ngược pha.
- B.** Hai dao động lệch pha $\pi/2$.
- C.** Hai dao động lệch pha $-\pi/2$.
- D.** Hai dao động cùng pha.

Câu 15: Một con lắc đơn có chiều dài l , đang dao động điều hòa ở nơi có gia tốc trọng trường g . Đại lượng

$$f = \frac{1}{2\pi} \sqrt{\frac{g}{l}}$$
 được gọi là

- A.** pha ban đầu của dao động.
- B.** tần số của dao động.
- C.** tần số góc của dao động.
- D.** chu kì của dao động.

Câu 16: Theo thuyết lượng tử ánh sáng, ánh sáng được tạo thành từ các hạt nào sau đây?

- A.** Notron.
- B.** Phôtôn.
- C.** Prôtôn.
- D.** Pôzitron.

Câu 17: Theo mẫu nguyên tử Bo, bán kính quỹ đạo K của electron trong nguyên tử hiđrô là r_0 . Khi electron ở quỹ đạo M thì bán kính quỹ đạo của nó bằng

- A.** $9r_0$.
- B.** $16r_0$.
- C.** $25r_0$.
- D.** $4r_0$.

Câu 18: Tia tử ngoại được ứng dụng để

- A.** tìm khuyết tật bên trong các vật đúc.
- B.** tìm vết nứt trên bề mặt sản phẩm.
- C.** kiểm tra hành lý của khách đi máy bay.
- D.** chụp điện, chuẩn đoán gãy xương.

Câu 19: Hiện tượng nào sau đây được ứng dụng để mạ điện?

- A.** Hiện tượng đoản mạch.
- B.** Hiện tượng nhiệt điện.
- C.** Hiện tượng điện phân.
- D.** Hiện tượng siêu dẫn.

Câu 20: Hạt nhân $^{35}_{17}\text{Cl}$ có

- A.** 17 notron.
- B.** 35 nuclôn.
- C.** 18 proton.
- D.** 35 notron.

Câu 21: Tại một vị trí trong môi trường truyền âm, khi cường độ âm tăng gấp 10 lần giá trị cường độ âm ban đầu thì mức cường độ âm

- A.** tăng 10 B.
- B.** tăng 10 dB.
- C.** giảm 10 dB.
- D.** giảm 10 B

Câu 22: Trong thí nghiệm Y-âng về giao thoa ánh sáng khoảng cách giữa hai khe là 0,5 mm, khoảng cách từ hai khe đến màn là 2 m, ánh sáng đơn sắc có bước sóng 0,5 μm . Khoảng cách giữa 5 vân sáng liên tiếp trên màn là

- A.** 10 mm.
- B.** 8 mm.
- C.** 5 mm.
- D.** 4 mm.

Câu 23: Một notron bắn vào hạt nhân Liti đứng yên gây ra phản ứng: ${}^1_0n + {}^6_3\text{Li} \rightarrow X + {}^4_2\text{He}$. Cho $m_{\text{Li}} = 6,0081 \text{ u}$; $m_n = 1,0087 \text{ u}$; $m_X = 3,0016 \text{ u}$; $m_{\text{He}} = 4,0016 \text{ u}$; $1\text{u} = 931 \text{ MeV}/c^2$. Hãy cho biết phản ứng đó toả hay thu bao nhiêu năng lượng?

- A.** Thu 12,6616 MeV.
- B.** Toả 15,0122 MeV.
- C.** Toả 12,6616 MeV.
- D.** Thu 15,0122 MeV.

Câu 24: Đoạn mạch AB gồm điện trở $R = 80 \Omega$, tụ điện $C = \frac{2 \cdot 10^{-4}}{\pi} \text{ F}$ và cuộn dây thuần cảm có độ tự cảm

$$L = \frac{1,1}{\pi} \text{ H}$$
 mắc nối tiếp, cho $\omega = 100\pi \text{ (rad / s)}$. Tổng trở của đoạn mạch là

- A.** 120Ω .
- B.** 150Ω .
- C.** 200Ω .
- D.** 100Ω .

Câu 25: Mạch điện xoay chiều nào sau đây có hệ số công suất lớn nhất? Với R là điện trở thuần, L là độ tự cảm, C là điện dung.

- A.** Mạch chỉ có R .
- B.** Mạch nối tiếp R và L .
- C.** Mạch nối tiếp L và C .
- D.** Mạch chỉ có C .

Câu 26: Mạch dao động LC gồm cuộn cảm có độ tự cảm $L = 2\text{mH}$ và tụ điện có điện dung $C = 2\text{pF}$, (lấy $\pi^2=10$). Tần số dao động của mạch là

- A.** $f = 2,5 \text{ kHz}$.
- B.** $f = 2,5 \text{ MHz}$.
- C.** $f = 1 \text{ kHz}$.
- D.** $f = 1 \text{ MHz}$.

Câu 27: Một đoạn dây dẫn thẳng MN dài 6 cm có dòng điện $I = 5A$ đặt trong từ trường đều có cảm ứng từ $B = 0,5T$. Lực từ tác dụng lên đoạn dây có độ lớn $F = 7,5.10^{-2}N$. Góc α hợp bởi dây MN và đường cảm ứng từ là

- A. 60° . B. 90° . C. 30° . D. 45° .

Câu 28: Công thoát của electron khỏi bề mặt nhôm là $3,46 eV$. Điều kiện xảy ra hiện tượng quang điện đối với nhôm là ánh sáng kích thích phải có bước sóng thỏa mãn

- A. $\lambda \leq 0,18 \mu m$. B. $\lambda > 0,18 \mu m$. C. $\lambda \leq 0,36 \mu m$. D. $\lambda > 0,36 \mu m$.

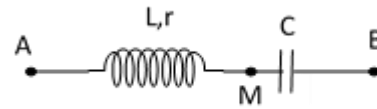
Câu 29: Hai điện tích điểm q_1, q_2 đặt trong không khí chúng hút nhau một lực bằng F . Nếu tăng khoảng cách giữa hai điện tích điểm lên 3 lần thì lực tương tác tĩnh điện giữa chúng sẽ

- A. giảm 9 lần. B. tăng 3 lần. C. giảm 3 lần. D. tăng 9 lần.

Câu 30: Một con lắc lò xo gồm quả nặng khối lượng $0,1 kg$ và một lò xo có độ cứng $160 N/m$. Khi quả nặng ở vị trí cân bằng, người ta truyền cho nó vận tốc ban đầu bằng $2 m/s$. Biên độ dao động của quả nặng là

- A. $A = 5 cm$. B. $A = 1 cm$. C. $A = 0,1 m$. D. $A = 0,5 m$.

Câu 31: Đặt điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng $80 V$ vào hai đầu đoạn mạch AB như hình bên. Biết các điện áp hiệu dụng $U_{AM} = 60 V$ và $U_{MB} = 100 V$. Hệ số công suất của đoạn mạch AM là



- A. 0,71. B. 0,6. C. 0,8 D. 0,75.

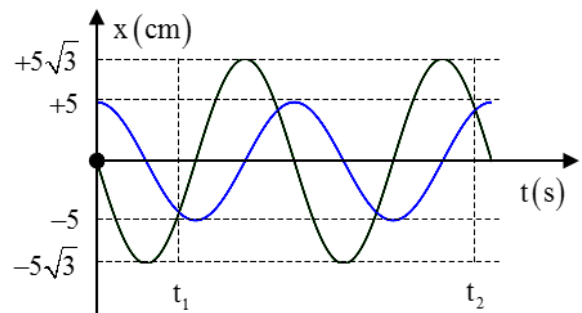
Câu 32: Cho một sợi dây đang có sóng dừng với tần số góc $\omega = 20 rad/s$. Tại một điểm A trên dây là một nút sóng, điểm B là bụng sóng gần A nhất, điểm C giữa A và B. Khi sợi dây duỗi thẳng thì khoảng cách $AB=9cm$ và $AB = 3AC$. Khi sợi dây biến dạng nhiều nhất thì khoảng cách giữa A và C là $5 cm$. Gọi a_c là biên độ dao động của điểm C. Tốc độ dao động của điểm B khi nó qua vị trí có li độ bằng a_c là

- A. $160\sqrt{3} cm/s$. B. $80\sqrt{3} cm/s$. C. $160 cm/s$. D. $80 cm/s$.

Câu 33: Đặt điện áp $u = 80\sqrt{2} \cos(\omega t) V$ vào hai đầu một đoạn mạch mắc nối tiếp theo thứ tự gồm cuộn cảm thuần có độ tự cảm L , điện trở R và tụ điện có điện dung C thay đổi được. Thay đổi C đến giá trị C_0 để điện áp hiệu dụng giữa hai đầu cuộn cảm đạt cực đại thì điện áp hiệu dụng giữa hai đầu cuộn cảm khi đó là $60 V$. Lúc này điện áp hiệu dụng giữa hai đầu đoạn mạch chứa tụ điện và điện trở là

- A. $80 V$. B. $100 V$. C. $140 V$. D. $70 V$.

Câu 34: Hai chất điểm dao động điều hòa cùng tần số trên hai đường thẳng song song kề nhau và cùng song song với Ox có đồ thị li độ như hình vẽ (khoảng cách giữa hai đường thẳng vô cùng nhỏ so với các biên độ). Vị trí cân bằng của hai chất điểm đều ở trên một đường thẳng qua gốc tọa độ và vuông góc với Ox. Biết $t_2 - t_1 = 3s$. Kể từ lúc $t = 0$, thời điểm để hai chất điểm cách nhau $5\sqrt{3} cm$ lần thứ 2022 là

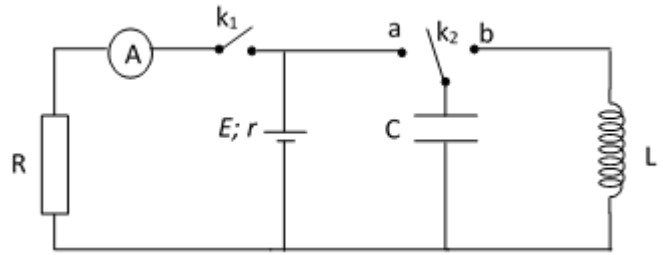


- A. 1011s. B. 1010s. C. 1010,5s. D. 1011,5s.

Câu 35: Trong thí nghiệm về giao thoa ánh sáng của Y-âng, khoảng cách giữa hai khe là $a = 2\text{mm}$, khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe đến màn là $D = 1\text{m}$. Bước sóng ánh sáng chiếu vào hai khe là λ , khoảng vân đo được là $0,2\text{mm}$. Thay bức xạ trên bằng bức xạ có bước sóng $\lambda' > \lambda$ thì tại vị trí của vân sáng bậc 3 của bức xạ λ có một vân sáng của bức xạ λ' . Bức xạ λ' có giá trị là

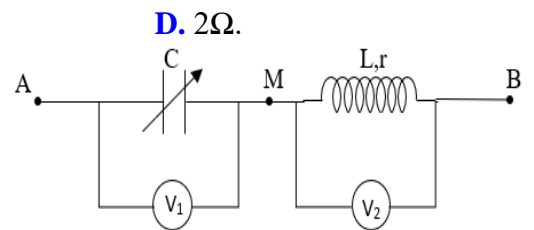
- A. $\lambda' = 0,48 \mu\text{m}$. B. $\lambda' = 0,58 \mu\text{m}$. C. $\lambda' = 0,52 \mu\text{m}$. D. $\lambda' = 0,60 \mu\text{m}$.

Câu 36: Dùng mạch điện như hình vẽ bên để tạo ra một dao động điện từ. Biết nguồn điện có suất điện động E và điện trở trong r ; điện trở $R = 2\Omega$; tụ điện có điện dung $C = 4 \cdot 10^{-6}\text{F}$; cuộn thuần cảm có độ tự cảm L ; ampe kế có điện trở không đáng kể. Ban đầu khóa k_2 mở (không ở chốt a hoặc chốt b), đóng khóa k_1 thì ampe kế chỉ giá trị I . Mở khóa k_1 , đóng khóa k_2 sang chốt a , khi điện tích trên tụ đạt cực đại chuyển khóa k_2 sang chốt b . Khi đó mạch dao động điện từ tự do với chu kỳ $2\pi \cdot 10^{-6}\text{(s)}$ và cường độ dòng điện cực đại qua cuộn dây là $10I$. Giá trị của r là



- A. 1Ω . B. $0,25\Omega$. C. $0,5\Omega$. D. 2Ω .

Câu 37: Cho mạch điện như hình vẽ. Điện áp giữa hai đầu AB ổn định có biểu thức $u = U_0 \cos \omega t \text{(V)}$. Cuộn dây không thuần cảm, tỷ số $\frac{r}{L} = \sqrt{3}\omega$, tụ điện có điện dung C thay đổi được. Các vôn kế nhiệt có điện trở rất lớn. Điều chỉnh $C = C_1$ thì tổng số chỉ của hai vôn kế lớn nhất bằng 200V . Điều chỉnh $C = C_2$ để số chỉ vôn kế V_1 đạt cực đại thì công suất tiêu thụ là 100W . Điều chỉnh $C = C_3$ thì cường độ dòng điện hiệu dụng đạt giá trị cực đại là



- A. 2A . B. 4A . C. $2\sqrt{3}\text{A}$. D. $2\sqrt{2}\text{A}$.

Câu 38: Trên mặt nước, tại hai điểm A và B có hai nguồn kết hợp dao động cùng pha theo phương thẳng đứng. $ABCD$ là một hình vuông thuộc mặt nước. Trên AC có 9 cực đại giao thoa và 10 cực tiểu giao thoa. Trên AB có tất cả

- A. 17 cực đại và 18 cực tiểu. B. 15 cực đại và 16 cực tiểu.
C. 11 cực đại và 12 cực tiểu. D. 13 cực đại và 14 cực tiểu.

Câu 39: Dùng một prôtôn có động năng K_p bắn vào hạt nhân ${}^9_4\text{Be}$ đang đứng yên. Phản ứng tạo ra hạt nhân X và hạt α . Hạt X bay ra theo phương hợp với phương chuyển động của hạt α góc 150° . Khi tính động năng của các hạt, lấy khối lượng các hạt tính theo đơn vị khối lượng nguyên tử bằng số khối của chúng. Năng lượng tỏa ra trong phản ứng này bằng $2,125\text{MeV}$. Động năng lớn nhất có thể đạt được của hạt X là

- A. $0,6\text{MeV}$. B. $2,5\text{MeV}$. C. $3,4\text{MeV}$. D. $1,3\text{MeV}$.

Câu 40: Hai con lắc lò xo giống hệt nhau được treo trên một giá đỡ nằm ngang cách nhau 16cm ở nơi có gia tốc rơi tự do $g = \pi^2 \text{(m/s}^2\text{)}$. Hai con lắc đều dao động điều hòa theo phương thẳng đứng với cùng biên độ, cùng chu kỳ $T \text{(} T > 0,3\text{ s)}$ nhưng không cùng pha với nhau. Gọi F_1 và F_2 lần lượt là độ lớn lực đàn hồi của mỗi con lắc trong quá trình dao động. Biết rằng cứ sau khoảng thời gian bằng $\frac{0,4}{3}\text{s}$ thì $F_1 = F_2 = F$.

Khoảng cách xa nhất có thể giữa hai vật nặng của các con lắc gần nhất với giá trị nào sau đây?

- A. $36,7\text{ cm}$. B. $22,6\text{ cm}$. C. $43,7\text{ cm}$. D. $31,8\text{ cm}$.

----- HẾT -----